

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

9. Số báo danh 10. Mã đề thi

Giám thị 1:

Họ và tên:.....

Chữ ký:.....

Giám thị 2:

Họ và tên:.....

Chữ ký:.....

1. Tỉnh/TP:.....

2. Hội đồng coi thi :.....

3. Phòng thi:.....

4. Họ và tên thí sinh:.....

.....

5. Ngày sinh:...../...../.....

6. Chữ ký của thí sinh:.....

7. Bài thi:.....

8. Ngày thi:...../...../.....

0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	1	1	1	1	1	1	1	1	■
2	2	2	2	2	2	2	2	2	■
3	3	3	3	3	3	3	3	3	■
4	4	4	4	4	4	4	4	4	■
5	5	5	5	5	5	5	5	5	■
6	6	6	6	6	6	6	6	6	■
7	7	7	7	7	7	7	7	7	■
8	8	8	8	8	8	8	8	8	■
9	9	9	9	9	9	9	9	9	■

Thí sinh lưu ý: - Giữ cho phiếu phẳng, không bôi bẩn, làm rách

 - Phải ghi đầy đủ các mục theo hướng dẫn

 - Dùng bút chì mềm 2B trở lên hoặc bút bi, bút dạ đen, xanh, tím. Tô đủ các mục **số báo danh, mã đề** trước khi làm.

Phản trả lời: Số thứ tự câu trả lời dưới đây tương ứng với số thứ tự câu trắc nghiệm trong đề thi. Đối với mỗi câu trắc nghiệm, thí sinh chọn và **tô kín một ô tròn** tương ứng với phương án trả lời đúng

01	☒	☐ B	☐ C	☐ D	11	☒	☐ B	☐ C	☐ D	21	☐ A	☒	☐ C	☐ D	■
02	☒	☐ B	☐ C	☐ D	12	☐ A	☐ B	☐ C	☒	22	☒	☐ B	☐ C	☐ D	■
03	☐ A	☐ B	☐ C	☒	13	☐ A	☐ B	☒	☐ D	23	☐ A	☐ B	☐ C	☒	■
04	☐ A	☐ B	☒	☐ D	14	☐ A	☐ B	☒	☐ D	24	☐ A	☐ B	☒	☐ D	■
05	☒	☐ B	☐ C	☐ D	15	☐ A	☐ B	☐ C	☒	25	☐ A	☒	☐ C	☐ D	■
06	☐ A	☒	☐ C	☐ D	16	☐ A	☐ B	☐ C	☒	26	☐ A	☐ B	☒	☐ D	■
07	☐ A	☒	☐ C	☐ D	17	☒	☐ B	☐ C	☐ D	27	☐ A	☒	☐ C	☐ D	■
08	☐ A	☐ B	☐ C	☒	18	☐ A	☐ B	☒	☐ D	28	☒	☐ B	☐ C	☐ D	■
09	☐ A	☒	☐ C	☐ D	19	☐ A	☒	☐ C	☐ D						■
10	☐ A	☐ B	☒	☐ D	20	☐ A	☐ B	☐ C	☒						■